TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

Bản án số: **91**/2017/DS-ST
Ngày 30/8/2017
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hưng.
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Sum.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2017/TLST- DS ngày 08 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1966. Địa chỉ: 591B1, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: 300/10, ấp Bình An B, thị trấn C, huyện C, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 03 tháng 7 năm 2017) (vắng mặt).

-Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh B(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà có cho ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị Mỹ H vay 02 lần như sau:

-Ngày 15 tháng 7 năm 2014 âm lịch vay 600.000.000 đồng.

-Ngày 15 tháng 01 năm 2015 âm lịch vay 500.000.000 đồng.

Các lần vay hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, vay không thời hạn, khi nào có nhu cầu thu hồi vốn và lãi thì báo trước cho vợ chồng bà H ông C trước 10 ngày, mục đích vay để làm kinh tế cho gia đình, khi nhận tiền đến nay nhiều lần bà yêu cầu nhưng bà H ông C không trả gốc và lãi như thỏa thuận.

Bà yêu cầu ông C bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 1.100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H, người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Bảo Q và ông Nguyễn Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tất cả đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L, buộc ông Nguyễn Ngọc C bà Nguyễn Mỹ H trả cho bà L số tiền 1.100.000.000 đồng. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền 1.100.000.000 đồng đã vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C cư trú tại số 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Mỹ H sau đó là người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Bảo Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án.Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C liên đới trả số tiền vay là 1.100.000.000 đồng. Bà L cho rằng đã cho bà H ông C vay 02 lần: vào ngày 17 tháng 7 năm 2014 âm lịch bà H ông C vay 600.000.000 đồng, ngày 15 tháng 01 năm 2015 âm lịch bà H ông C vay 500.000.000 đồng. Lãi suất các lần vay đều là 1%/tháng, cho vay không có thời hạn, khi cho vay đều có làm giấy. Quá trình thực hiện, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông C bà H trả vốn và lãi nhưng bà H ông C không trả cho bà. Căn cứ vào giấy mượn tiền ghi các ngày 15 tháng 7 năm 2014 âm lịch và ngày 15 tháng 01 năm 2015 âm lịch do bà H ông C viết và ký tên, biên bản làm việc ngày 24 tháng 7 năm 2017 bà H thừa nhận còn nợ bà L số tiền 1.100.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Ông C bà H là vợ chồng, ông bà cùng vay tiền của bà L nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông bà trả nợ nhưng ông bà không trả cho bà L là vi phạm nghĩa

vụ thanh toán nên ông bà có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 1.100.000.000 đồng.

[3]Về lãi suất: Khi giao dich các bên có thỏa thuận lãi suất là 1% nhưng quá trình thực hiện bà H ông C chưa trả lãi cho bà L, bà L cũng chỉ yêu cầu bà H ông C trả tiền vốn gốc, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả nên ghi nhận yêu cầu của bà L.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận toàn bộ nên bà H ông C phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội về án phí lệ phí Tòa án, cụ thể án phí được tính như sau : 36.000.000 đồng + (300.000.000 đồng x 3%) = 45.000.000 đồng. Bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội về án phí lệ phí Tòa án;

1. Buộc bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.100.000.000 đ (Một tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C trả lãi (kể cả lãi chậm trả) đối với số tiền đã vay của bà L.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C liên đới chịu 45.000.000 đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

-Bà Nguyễn Thị Kim L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.500.000 đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010900 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA -TAND tỉnh B;
-VKSND Tp. B;
-Chi cục THADS Tp. B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.
-Lưu V.Phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở